

# NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN TRONG TRIỂN KHAI KIỂM TRA CUỐI KỲ TRÊN LMS MOODLE VÀ CÁC ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHO SINH VIÊN TẠI KHOA NGOẠI NGỮ, HUFLIT

Châu Thục Quyên, Bùi Thị Thanh Trúc, Trần Mỹ Uyên, Võ Thị Bích Phương, Phan Ngọc Nghĩa

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

*quyenct@huflit.edu.vn, truchtt@huflit.edu.vn, uyentm@huflit.edu.vn, phuongvtb@huflit.edu.vn, nghiapn@huflit.edu.vn*

**TÓM TẮT**— Trong kỷ nguyên chuyển đổi số hiện nay, việc cải tiến hệ thống kiểm tra đánh giá có tầm quan trọng rất lớn đối với giáo dục đại học vì nó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Trong các hệ thống kiểm tra đánh giá hiện đại, đánh giá điện tử dựa trên Moodle là một trong những xu hướng được lựa chọn tại rất nhiều cơ sở giáo dục. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của việc áp dụng đánh giá điện tử trên Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ tại Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT), thông qua việc đánh giá mức độ hài lòng và những thuận lợi và khó khăn giảng viên gặp phải trong quá trình triển khai. Nghiên cứu được thực hiện tại khoa Ngoại ngữ HUFLIT, với sự tham gia của 94 giảng viên. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua bảng hỏi cho giảng viên gồm 29 câu theo hình thức Likert Scale và phỏng vấn sâu trên 20 giảng viên. Kết quả thu được cho thấy đa số giảng viên hài lòng ở mức cao với cả 4 khía cạnh của việc triển khai thi cuối kỳ trên Moodle gồm độ tin cậy, độ hợp lệ, tính thực tiễn và tính cảm xúc. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn giảng viên cho thấy hai khó khăn lớn nhất mà giảng viên gặp phải là vấn đề gian lận và yếu tố rào cản kỹ thuật trong quá trình triển khai thi cuối kỳ trên Moodle. Từ kết quả thu được, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tối ưu hóa hệ thống Moodle để tăng tính hiệu quả của việc áp dụng Moodle vào các kỳ thi cuối kỳ tại trường.

**Từ khóa**— LMS Moodle, kiểm tra cuối kỳ, vấn đề, giải pháp.

## I. GIỚI THIỆU

Trong thời đại chuyển đổi số hiện nay, công nghệ thông tin và truyền thông không ngừng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý giáo dục tại các cơ sở đào tạo trên toàn thế giới [1], [2]. Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) cũng dần trở thành công cụ không thể thiếu trong môi trường giáo dục hiện đại nhờ khả năng cung cấp không gian học tập trực tuyến linh hoạt, hiệu quả [3]. Một trong những hệ thống quản lý học tập phổ biến và được ưa chuộng nhất hiện nay là Moodle, nền tảng mã nguồn mở cho phép giảng viên và sinh viên truy cập, quản lý, và tham gia vào các hoạt động học tập mọi lúc, mọi nơi [4]. Moodle đã được triển khai rộng rãi tại các trường đại học nhằm hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, học tập, và kiểm tra đánh giá, đem lại nhiều lợi ích trong việc tiết kiệm thời gian, tài nguyên và tạo sự thuận tiện trong quản lý giáo dục [2].

Tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT), với nhu cầu áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy ngày càng tăng, hệ thống LMS Moodle đã được tích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc, việc học tập và thực hành ngoại ngữ đòi hỏi khả năng tương tác thường xuyên với các tài liệu ngôn ngữ cũng như phát triển kỹ năng giao tiếp. Moodle không chỉ hỗ trợ giảng viên trong việc tổ chức và quản lý tài liệu học tập và hoạt động học tập, mà còn giúp quá trình kiểm tra đánh giá kiến thức trở nên linh hoạt và thuận tiện hơn. Tuy nhiên, việc triển khai Moodle trong hoạt động kiểm tra cuối kỳ cũng mang đến những thách thức đáng kể, đòi hỏi các giảng viên và sinh viên cần thích nghi và làm quen với các kỹ năng kỹ thuật một cách hiệu quả.

Quá trình giảng dạy cần được phát triển song song với hoạt động kiểm tra – đánh giá năng lực người học với nhiều hình thức khác nhau. Và vì nhu cầu đánh giá toàn diện ngày càng tăng, vấn đề đặt ra là liệu việc sử dụng hình thức trắc nghiệm có thực sự đáp ứng đủ yêu cầu kiểm tra hay không. Đặc biệt, tại HUFLIT, nơi sinh viên không những phải nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn phải phát triển các kỹ năng thực hành, việc thiết kế hệ thống đánh giá liên tục và phù hợp với từng học phần là một thách thức lớn. Điều này đòi hỏi giảng viên và các cấp quản lý chuyên môn phải thiết kế các phương thức đánh giá không những phù hợp với tính chất học phần mà còn đảm bảo tính hiệu quả trong việc triển khai đồng bộ, thống nhất. Hình thức trắc nghiệm, mặc dù nhanh chóng và dễ dàng trong việc chấm điểm, nhưng lại có những hạn chế nhất định, đặc biệt là trong việc đánh giá khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng áp dụng kiến thức ngôn ngữ vào thực tiễn [5]. Do đó, cần phải xem xét khả năng triển khai các hình thức kiểm tra kết hợp khác trên nền tảng Moodle nhằm đánh giá năng lực ngôn ngữ sinh viên một cách đa dạng hơn.

Hơn nữa, việc sử dụng nền tảng Moodle không chỉ để quản lý và tổ chức các bài kiểm tra, mà còn có thể giúp giảng viên theo dõi tiến bộ của sinh viên, phân tích kết quả và đưa ra những điều chỉnh cần thiết trong quá trình giảng dạy. Bằng cách kết hợp giữa các hình thức kiểm tra, Khoa Ngoại ngữ không chỉ đáp ứng nhu cầu kiểm tra đa dạng

của sinh viên mà còn tạo ra một môi trường học tập tích cực, khuyến khích sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ. Vì vậy, việc mở rộng hình thức kiểm tra tại Khoa Ngoại ngữ, đặc biệt trong bối cảnh số lượng sinh viên ngành ngoại ngữ và tin học chiếm đa số, không chỉ là một giải pháp cần thiết mà còn là một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng kiểm tra – đánh giá, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sinh viên trong thời đại hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của việc ứng dụng Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ, thông qua việc đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc tại HUFLIT khi sử dụng Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ, cũng như xác định các thuận lợi và khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình triển khai công cụ này. Việc khảo sát và phân tích trải nghiệm của người dùng sẽ giúp nhà trường nhận diện những điểm mạnh và hạn chế của hệ thống, từ đó đưa ra những cải tiến phù hợp nhằm tối ưu hóa Moodle trong quá trình dạy và học. Cụ thể, nghiên cứu này sẽ trả lời các vấn đề sau:

- Mức độ hài lòng của giảng viên Khoa Ngoại ngữ (KNN) về hoạt động kiểm tra cuối kỳ trên LMS Moodle.
- Những khó khăn mà giảng viên gặp phải trong quá trình tham gia các hoạt động kiểm tra đánh giá trên LMS Moodle.
- Những giải pháp có thể thực hiện để nâng cao hiệu quả sử dụng LMS Moodle trong quá trình kiểm tra – đánh giá.

Các câu hỏi nghiên cứu này được thiết kế nhằm đi sâu vào trải nghiệm của người dùng, bao gồm cả khía cạnh tích cực và tiêu cực khi sử dụng Moodle cho các bài kiểm tra cuối kỳ. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp một cái nhìn tổng quan về hiệu quả của việc áp dụng LMS Moodle trong kiểm tra cuối kỳ, từ đó đưa ra các kiến nghị giúp nhà trường cải thiện hệ thống LMS theo hướng thân thiện hơn với người dùng. Bên cạnh đó, việc hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng Moodle cũng góp phần giúp giảng viên nhận thức được những điểm cần lưu ý, cải thiện kỹ năng sử dụng công nghệ và tăng cường tính tự chủ trong quá trình giảng dạy.

Ngoài ra, nghiên cứu này không chỉ có ý nghĩa đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy và đánh giá tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh mà còn mang lại giá trị tham khảo cho các cơ sở giáo dục khác trong khu vực phía Nam Việt Nam. Sự hài lòng của giảng viên đối với Moodle sẽ là một chỉ báo quan trọng về khả năng thích ứng của hệ thống đối với nhu cầu học tập và giảng dạy trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu hy vọng sẽ đóng góp vào sự phát triển và ứng dụng hiệu quả của LMS trong giáo dục đại học, góp phần vào sự phát triển bền vững của giáo dục trực tuyến, đồng thời hỗ trợ giảng viên đạt được những kết quả giảng dạy tốt nhất trong kỷ nguyên số hóa.

## II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

### A. KHÁI NIỆM

Đánh giá dựa trên máy tính là phương pháp đánh giá học tập sử dụng công nghệ máy tính để thực hiện các bài kiểm tra và đánh giá kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Đánh giá dựa trên máy tính (Computer-Based Assessment) được hiểu là việc sử dụng máy tính để phục vụ cho quá trình đánh giá, trong đó bao gồm việc đánh giá và cho phản hồi [6], [7], [8]. Đối với đánh giá trên máy tính, sinh viên sẽ hoàn thành các bài kiểm tra trực tuyến trên các nền tảng điện tử, điều này cho phép sinh viên phản hồi nhanh chóng và tự động hóa quy trình chấm điểm [3]. Phương pháp đánh giá này không chỉ giúp nâng cao tính chính xác và hiệu quả của quá trình đánh giá mà còn tạo ra môi trường học tập linh hoạt, dễ tiếp cận cho tất cả sinh viên. Đồng thời, đánh giá dựa trên máy tính còn cho phép thu thập và phân tích dữ liệu, từ đó hỗ trợ giảng viên trong việc theo dõi sự tiến bộ và cải thiện chương trình giảng dạy.

### B. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN MÁY TÍNH

So với các loại đánh giá khác, có 9 điểm khác biệt trong việc đánh giá dựa trên máy tính theo như nghiên cứu của [9].

Hệ thống đánh giá trong giáo dục cần đảm bảo (1) tính hiệu lực, (2) tin cậy, (3) minh bạch và (4) công bằng để phản ánh chính xác năng lực của sinh viên. Tính hiệu lực đảm bảo rằng các câu hỏi và bài kiểm tra phải đo lường đúng các mục tiêu học tập, trong khi tính tin cậy đảm bảo rằng kết quả đánh giá là ổn định và nhất quán. Hệ thống đánh giá cũng cần phải minh bạch, giúp sinh viên hiểu rõ tiêu chí và lý do đánh giá, đồng thời đảm bảo tính công bằng để tất cả sinh viên đều có cơ hội thể hiện năng lực mà không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài.

Bên cạnh đó, (5) tính thực tế, (6) kịp thời và (7) quá trình cũng là những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đánh giá. Đánh giá cần phản ánh các tình huống thực tế mà sinh viên sẽ gặp phải trong tương lai, đồng thời cung cấp phản hồi nhanh chóng giúp sinh viên điều chỉnh chiến lược học tập. Đánh giá không chỉ diễn ra ở cuối khóa học mà cần là một phần của quá trình học, giúp giảng viên và sinh viên theo dõi và điều chỉnh tiến độ học tập một cách kịp thời.

Cuối cùng, hệ thống đánh giá cũng cần đảm bảo (8) tính thách thức và (9) dễ quản lý. Bài kiểm tra phải đủ thách thức để kích thích sự phát triển của sinh viên, nhưng cũng không quá khó để gây nản lòng. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá cần được quản lý hiệu quả, giúp giảng viên dễ dàng theo dõi và điều chỉnh quá trình đánh giá mà không gây áp lực lớn về công việc. Những yếu tố này góp phần tạo ra một môi trường học tập công bằng, hiệu quả và có động lực cho sinh viên.

### **C. LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐÁNH GIÁ TRÊN MÁY TÍNH**

Đánh giá trên máy tính mang lại nhiều lợi ích quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Việc áp dụng các công nghệ mã hóa tiên tiến và hệ thống xác thực người dùng giúp đảm bảo tính bảo mật cao cho nội dung đề thi, bảo vệ tính toàn vẹn của bài kiểm tra và tạo niềm tin cho sinh viên [10], [11]. Hệ thống này cũng giảm nguy cơ gian lận và thúc đẩy sự công bằng trong đánh giá. Bên cạnh đó, hình thức đánh giá này giúp tiết kiệm đáng kể chi phí in ấn, phân phối tài liệu và thời gian tổ chức thi, đồng thời cho phép sinh viên linh hoạt làm bài ở nhiều địa điểm khác nhau, phù hợp với lịch trình cá nhân [12], [13]. Việc cung cấp kết quả ngay lập tức giúp sinh viên nhanh chóng xác định điểm mạnh, điểm yếu để điều chỉnh chiến lược học tập, trong khi dữ liệu phân tích theo thời gian thực hỗ trợ giảng viên theo dõi tiến độ, phát hiện kịp thời các vấn đề và đưa ra giải pháp phù hợp [13] [14].

Ngoài ra, các công cụ phân tích dữ liệu tích hợp trong hệ thống ví dụ như Learning Analytics và Gradebook còn cho phép giảng viên theo dõi sự tiến bộ của từng cá nhân theo thời gian, nhận diện lỗ hổng kiến thức và điều chỉnh phương pháp giảng dạy dựa trên bằng chứng thực tế [10] [12] [15]. Hoạt động hậu kiểm như các buổi học bổ trợ hoặc thảo luận nhóm giúp sinh viên khắc phục điểm yếu, đồng thời phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp [13], [14]. Nhìn chung, những lợi ích này không chỉ nâng cao hiệu quả đánh giá và chất lượng giảng dạy mà còn góp phần xây dựng một môi trường học tập an toàn, linh hoạt và lấy người học làm trung tâm, hỗ trợ sự phát triển học tập bền vững.

### **D. TÍCH HỢP ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN MÁY TÍNH VÀO MOODLE LMS**

#### **1. XU HƯỚNG ĐÁNH GIÁ ĐIỆN TỬ**

Việc tích hợp đánh giá dựa trên máy tính vào hệ thống LMS, chẳng hạn như Moodle, ngày càng trở nên quan trọng trong giáo dục đại học. Mặc dù các chiến lược giảng dạy đã phát triển nhanh chóng nhờ công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), việc áp dụng đánh giá dựa trên máy tính vẫn còn chậm, thường do các rào cản kỹ thuật, sự phạm và thể chế [16]. Tuy nhiên, đánh giá dựa trên máy tính mang lại tiềm năng to lớn trong việc cải thiện sự tham gia và trải nghiệm học tập của sinh viên, cung cấp cho người học những công cụ mới để theo dõi và điều chỉnh tiến trình học tập một cách hiệu quả hơn [16], [17].

#### **2. XU HƯỚNG ĐÁNH GIÁ BẰNG MOODLE**

Moodle, viết tắt của Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment, là một nền tảng mã nguồn mở dành cho hệ quản trị đào tạo (LMS) và quản trị web. Nó cung cấp đầy đủ các tính năng hỗ trợ dạy và học trực tuyến, cho phép người dùng dễ dàng tạo và đăng tải các trang web dạy học tương tác cao lên internet. Với tính mã nguồn mở và độ linh hoạt cao, Moodle cho phép các nhà phát triển dễ dàng bổ sung các mô-đun cần thiết.

Là một trong những LMS được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu, Moodle cung cấp nhiều công cụ đánh giá điện tử khác nhau, bao gồm các bài kiểm tra, bài tập và bảng điểm, giúp việc chấm điểm và phản hồi dễ dàng và chính xác hơn [18], [19], [20]. Đặc biệt, công cụ bài kiểm tra có các chức năng như chấm điểm tự động, ngẫu nhiên hóa câu hỏi và cung cấp phản hồi ngay lập tức, phù hợp cho cả đánh giá hình thành và đánh giá tổng kết. Các tính năng này không chỉ giảm bớt công việc chấm điểm thủ công mà còn hỗ trợ các bài kiểm tra thích ứng, cho phép tùy chỉnh câu hỏi dựa trên phản hồi của người học, từ đó nâng cao độ chính xác trong việc đánh giá năng lực [21].

### **E. ĐÁNH GIÁ TRÊN MOODLE: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

#### **1. CƠ HỘI**

Đánh giá đánh giá dựa trên máy tính thông qua Moodle mang lại nhiều lợi ích rõ ràng [21] [22] [23] [24] [25]. Trước tiên, việc cung cấp phản hồi tức thì giúp sinh viên nắm bắt kịp thời kết quả và tiến trình học tập của mình, từ đó có thể nhanh chóng điều chỉnh và cải thiện phương pháp học tập khi cần thiết [21].

Hơn nữa, tính hiệu quả và độ chính xác của đánh giá dựa trên máy tính cũng được cải thiện đáng kể nhờ các tính năng như ngẫu nhiên hóa câu hỏi và chấm điểm tự động, giúp giảm thiểu sai sót và thiên kiến từ con người [22] [23]. Các công cụ kiểm tra của Moodle cũng tích hợp các yếu tố tương tác như xáo trộn câu hỏi và phản hồi thích ứng, nâng cao sự tham gia và hỗ trợ học người học học tập một cách tích cực [24]. Với tính năng xáo trộn câu hỏi, hệ thống sẽ thay đổi thứ tự câu hỏi hoặc đáp án mỗi lần làm bài, giúp hạn chế gian lận và đảm bảo rằng mỗi sinh viên có một đề kiểm tra duy nhất. Việc này cũng tạo môi trường kiểm tra công bằng hơn và khuyến khích sinh viên tập trung vào nội dung thay vì ghi nhớ vị trí đáp án. Đối với công cụ phản hồi thích ứng, hệ thống sẽ đưa ra phản hồi dựa trên câu trả lời của sinh viên. Nếu sinh viên trả lời sai, phản hồi có thể giải thích lý do và hướng dẫn cách tiếp cận đúng; nếu trả lời đúng, phản hồi có thể mở rộng kiến thức hoặc gợi ý tài liệu học thêm. Điều này giúp sinh viên học ngay trong quá trình làm bài, thúc đẩy học tập tích cực và phát triển kỹ năng tự học.

Ngoài ra, chức năng trong các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Moodle, cho phép lưu trữ, quản lý và phân loại toàn bộ câu hỏi kiểm tra theo từng chủ đề, mức độ khó, hoặc dạng câu hỏi (trắc nghiệm, tự luận, ghép đôi, điền khuyết...) [25]. Nhờ tính năng này, giảng viên có thể tái sử dụng câu hỏi cho nhiều kỳ thi hoặc nhiều học phần khác nhau, tiết kiệm thời gian xây dựng đề, tạo đề thi ngẫu nhiên bằng cách hệ thống tự chọn câu hỏi từ ngân hàng theo tiêu chí định sẵn, giúp tăng tính bảo mật và giảm gian lận, phân loại và quản lý nội dung khoa học, đảm bảo câu hỏi phù hợp với chuẩn đầu ra và các cấp độ nhận thức, và cập nhật và cải tiến câu hỏi liên tục, giữ cho nội dung đánh giá luôn phù hợp với chương trình học và xu hướng mới.

## 2. THÁCH THỨC

Mặc dù có nhiều lợi ích, đánh giá điện tử vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể, đặc biệt là về gian lận, rào cản kỹ thuật, và các hạn chế của dạng câu hỏi trắc nghiệm [26], [27], [28], [29]. Gian lận trong đánh giá điện tử là mối lo ngại thường xuyên, và các tính năng như theo dõi IP và xáo trộn câu hỏi chỉ cung cấp giải pháp một phần. Cụ thể, người học có thể trao đổi hoặc chia sẻ đáp án qua các kênh liên lạc ngoài hệ thống như mạng xã hội, tra cứu tài liệu hoặc sử dụng công cụ hỗ trợ không được phép ví dụ như Google, AI chatbot, phần mềm dịch, hoặc nhờ người khác làm bài thay. Theo [26], cần có các biện pháp an ninh mạnh mẽ hơn như xác thực hai yếu tố và giám sát để bảo đảm tính toàn vẹn của hình thức đánh giá này. Ngoài ra, các nghiên cứu [26], [30] khuyến nghị kết hợp ngẫu nhiên hóa câu hỏi, giới hạn thời gian, xác thực danh tính, giám sát trực tuyến, và thiết kế câu hỏi ở mức tư duy cao hơn để khó có thể gian lận.

Bên cạnh đó, các rào cản kỹ thuật cũng là một yếu tố ảnh hưởng lớn, với kết nối internet kém và năng lực số hạn chế của sinh viên có thể làm giảm hiệu quả của các phương pháp đánh giá này [27]. Các thiết bị không tương thích hoặc tài nguyên hỗ trợ hạn chế cũng gây khó khăn, đặc biệt là đối với sinh viên học từ xa. Ngoài ra, chất lượng học tập và đánh giá cũng là một vấn đề. Một số loại câu hỏi như trắc nghiệm tuy hiệu quả nhưng thường bị chỉ trích vì không khuyến khích tư duy phản biện của người học [28], [29]. Do đó, việc thiết kế giảng dạy và phát triển câu hỏi phải được cân nhắc cẩn thận để tạo ra các bài đánh giá vừa mang tính khách quan vừa thúc đẩy khả năng học sâu.

### F. NHẬN THỨC CỦA GIẢNG VIÊN VỀ ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN MÁY TÍNH THÔNG QUA MOODLE

Giảng viên thường đánh giá cao lợi ích mà đánh giá điện tử mang lại, bao gồm hiệu quả và các thông tin phân tích dữ liệu về sinh viên. Tuy nhiên, nhiều giảng viên cũng bày tỏ lo ngại về thời gian đầu tư cần thiết để cài đặt và quản lý các công cụ này, cũng như thiếu hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Họ cũng nhận thấy rằng để thiết kế các bài đánh giá hiệu quả, cần có sự cân bằng giữa các công cụ tự động và thiết kế giáo dục chất lượng cao kết hợp giữa tư duy sư phạm khoa học và ứng dụng công nghệ, phương pháp hiện đại để tối đa hóa kết quả học tập, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học [26]. Do đó, việc đào tạo giảng viên và hỗ trợ từ phía nhà trường được xem là các yếu tố quan trọng để đảm bảo trải nghiệm tích cực của giảng viên đối với đánh giá điện tử.

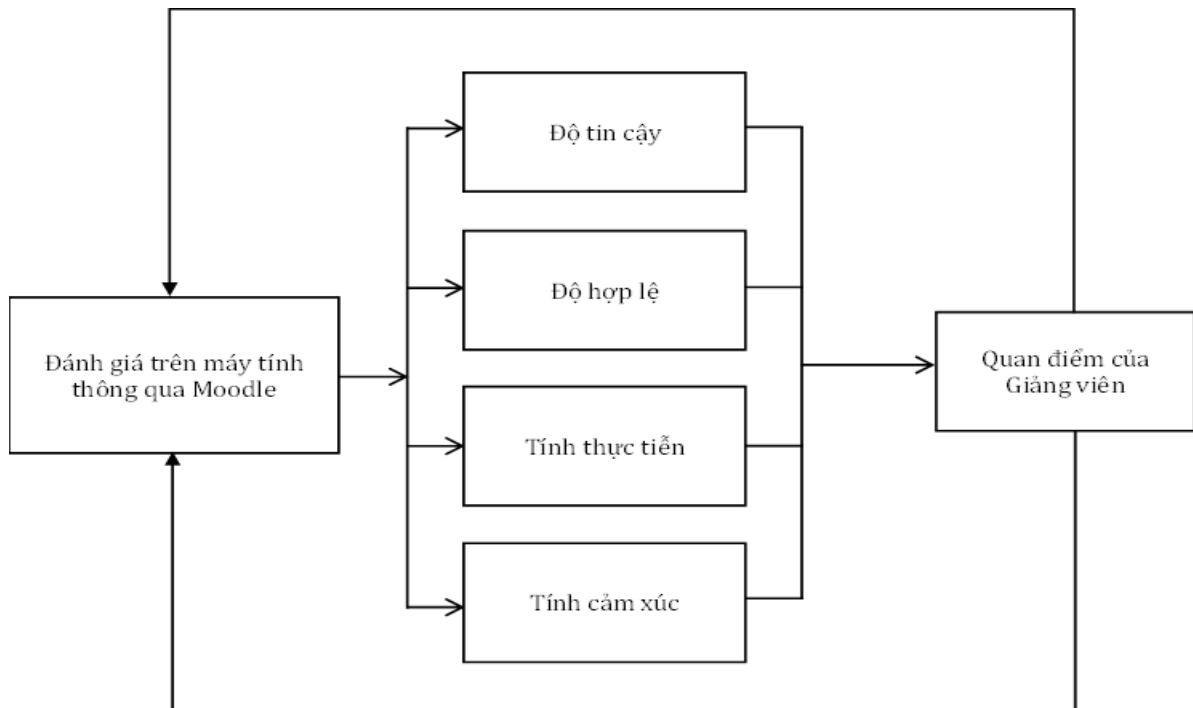
### G. KHUNG LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Các nghiên cứu cho thấy rằng cải thiện thiết kế giao diện, cung cấp hướng dẫn rõ ràng và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên có thể nâng cao sự hài lòng của người dùng đối với đánh giá dựa trên máy tính. Ngoài ra, các sáng kiến như đánh giá thích ứng dựa trên kết quả bài làm của người học, đánh giá dựa trên tình huống và các thiết lập phản hồi nâng cao với thiết kế chi tiết, cá nhân hóa và định hướng hành động, nhằm giúp người học không chỉ biết kết quả đúng sai mà còn hiểu lý do và cách cải thiện, có thể đáp ứng nhu cầu của người học một cách hiệu quả hơn, giúp họ cảm thấy tự tin và chủ động hơn trong quá trình học tập [26].

Bài nghiên cứu này được xây dựng trên cơ sở lý luận của Alshazmi et al. (2015) [30] như Hình 1 bên dưới. Tuy nhiên, một số thay đổi đã được hiệu chỉnh và bổ sung để phù hợp hơn với bối cảnh Khoa Ngoại Ngữ, HUFLIT để có thể thu thập được những ý kiến của giảng viên về các khía cạnh liên quan bao gồm:

- Độ tin cậy: Đo lường tính nhất quán của Moodle khi được sử dụng như một công cụ đánh giá.
- Độ hợp lệ: Đánh giá độ chính xác của Moodle trong việc kiểm tra kiến thức và năng lực của sinh viên.
- Tính thực tiễn: Đánh giá tính khả dụng và hiệu quả của Moodle trong việc quản lý các hoạt động kiểm tra - đánh giá.
- Tính cảm xúc: Tìm hiểu nhận định cảm xúc và mức độ hài lòng của người tham gia với việc triển khai Moodle trong công tác kiểm tra - đánh giá.

Từ đó, những vấn đề liên quan hoạt động kiểm tra - đánh giá trên nền tảng Moodle sẽ được thảo luận và cải tiến cho những học phần sau.



Hình 1. Khung lý thuyết cho đánh giá trên máy tính thông qua Moodle (Adapted from: K. Alshazmi et al., 2015)

Tóm lại, việc tích hợp đánh giá dựa trên máy tính vào Moodle LMS mang lại cả những lợi ích đáng kể và những thách thức không nhỏ. Mặc dù đánh giá điện tử có thể tiết kiệm thời gian, giảm chi phí và cung cấp phản hồi ngay lập tức, nó cũng đặt ra các vấn đề liên quan đến tính toàn vẹn học thuật, khả năng tiếp cận và hạn chế khả năng phát triển tư duy phản biện. Do đó, các nghiên cứu và đổi mới trong tương lai về đánh giá điện tử nên tập trung vào các phương pháp đánh giá cân bằng giữa tính hiệu quả và kết quả học tập, an ninh và cải thiện khả năng sử dụng cho người học.

### III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Việc áp dụng Moodle làm hệ thống quản lý học tập (LMS) đã được nghiên cứu khá rộng rãi trong nhiều môi trường giáo dục khác nhau ở Việt Nam. Các nghiên cứu cho thấy Moodle mang lại nhiều lợi ích đáng kể, đặc biệt trong việc hỗ trợ cả hoạt động giảng dạy và quá trình đánh giá học tập. Giáo viên có thể tận dụng các công cụ tương tác của Moodle như diễn đàn, chat, chia nhóm hoạt động, trao đổi thông tin và giao bài tập lớn để tăng cường sự tham gia của sinh viên và cung cấp một nền tảng học tập liên tục. Những công cụ này không chỉ hỗ trợ việc giảng dạy mà còn cho phép đánh giá hiệu quả sinh viên thông qua các tính năng như trắc nghiệm và bài kiểm tra, giúp đánh giá khách quan và chính xác hơn. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách tạo ra một môi trường học tập linh hoạt và dễ tiếp cận. Đặc biệt, sự bùng phát của đại dịch COVID-19 đã thay đổi hoàn toàn bối cảnh giáo dục trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, từ năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các đội ngũ giáo dục tại các trường học và cơ sở giáo dục đại học triển khai các hình thức giảng dạy trực tuyến, học trực tuyến và đánh giá trực tuyến, đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội do đại dịch. Những thay đổi này là cần thiết để duy trì việc học tập liên tục khi các lớp học trực tiếp không thể tổ chức, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả trong việc duy trì chất lượng giáo dục trong thời kỳ khó khăn này. Sau thời điểm này, việc đánh giá bằng hình thức trực tuyến ngày càng được tăng cường và đẩy mạnh rộng khắp các trường tại Việt Nam. Theo [31] và [32], Moodle là một nền tảng phù hợp và hiệu quả cho việc đánh giá trực tuyến môn tiếng Anh, hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá năng lực sinh viên. Moodle là hệ thống quản lý học tập mã nguồn mở, dễ sử dụng, có tính ứng dụng cao trong giáo dục, có thể giúp giáo viên trong việc tổ chức các bài kiểm tra đánh giá và theo dõi tiến độ học tập của sinh viên. Với những ưu điểm này, Moodle được áp dụng rộng rãi không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các quốc gia đang phát triển, nơi có nhu cầu triển khai các công cụ đánh giá trực tuyến với chi phí thấp.

Một nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát và thực nghiệm tại Khoa Công nghệ thông tin & truyền thông, cũng như tại cuộc thi Olympic Khoa học Chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Cần Thơ năm 2013 [33] đã tập trung vào việc phân tích các đặc điểm của hệ mã nguồn mở LMS Moodle. Các nghiên cứu này so sánh Moodle với các nền tảng e-learning khác và đưa ra đề xuất lựa chọn Moodle làm hệ nền hỗ trợ công tác đánh giá trực tuyến. Kết quả cho thấy Moodle có nhiều ưu điểm về mặt kỹ thuật và khả năng hỗ trợ đánh giá trực tuyến

hiệu quả. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chưa chỉ rõ các khó khăn mà người học cũng như giảng viên gặp phải trong quá trình áp dụng Moodle, chẳng hạn như việc thích nghi với định dạng đánh giá trực tuyến hoặc việc điều hướng các chức năng của nền tảng.

Nghiên cứu của Huynh-Cam [32] được thực hiện vào năm 2021 bước đầu cho thấy hiệu quả của Moodle, hệ thống quản lý học tập mã nguồn mở, được sử dụng như công cụ đánh giá trực tuyến trong các khóa học Nghe và Đọc tiếng Anh để giúp sinh viên đại học và giảng viên duy trì mức độ tham gia cao và giảm tỷ lệ học kém. Với sự tham gia của 120 sinh viên và 4 giảng viên tại một trường đại học công lập ở Việt Nam, kết quả cho thấy điểm số cuối kỳ của sinh viên cao hơn so với bài kiểm tra đầu vào, và sinh viên có thái độ tích cực với đánh giá trực tuyến. Kết quả này cung cấp cơ sở cho việc triển khai đánh giá trực tuyến trong giảng dạy kỹ năng nghe và đọc tiếng Anh trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Tuy nhiên, bài nghiên cứu chưa thực sự khai thác rõ nét các vấn đề liên quan đến việc triển khai Moodle trong khía cạnh kiểm tra đánh giá từ góc nhìn của cả sinh viên và giảng viên.

Thêm vào đó, [34] đã khảo sát sinh viên ngành tiếng Anh tại Việt Nam và nhận thấy rằng, mặc dù các kỳ thi trực tuyến mang lại nhiều lợi ích như tiện lợi, phản hồi tức thời và tính công bằng, chúng cũng đặt ra nhiều thách thức liên quan đến hạ tầng kỹ thuật và điều kiện thi cử. Kết quả này khẳng định việc triển khai đánh giá trực tuyến tại Việt Nam vừa có tiềm năng, vừa cần cải thiện để đảm bảo tính hiệu quả và công bằng. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của phương pháp này là việc xây dựng ngân hàng câu hỏi chuẩn, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Hơn nữa, nghiên cứu này chỉ tập trung so sánh các khía cạnh của câu hỏi trắc nghiệm khách quan trên máy tính và trên giấy, chưa đi sâu vào phân tích các góc độ khác của việc đánh giá trên máy tính dựa trên Moodle ví dụ như trải nghiệm thực tế của sinh viên về việc tham gia thi trắc nghiệm trên máy tính, hoặc những khó khăn mà họ gặp phải, cũng như chưa đánh giá được ảnh hưởng của việc thi trên Moodle lên việc đánh giá toàn diện sinh viên, và quá trình thiết kế hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh lợi ích của Moodle trong việc quản lý và hỗ trợ hoạt động đánh giá. Chẳng hạn, Cao (2023) [35] cho thấy việc sử dụng LMS giúp giảng viên giao và thu bài tập thuận tiện, tiết kiệm thời gian chấm thi, đồng thời tạo môi trường học tập linh hoạt và khuyến khích sự chủ động của sinh viên. Những kết quả này bổ sung bằng chứng cho thấy Moodle không chỉ hỗ trợ kiểm tra đánh giá mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong bối cảnh đại học Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số bất lợi như thiếu quy trình bảo mật nghiêm ngặt, quá trình soạn câu hỏi kiểm tra tốn nhiều thời gian, cũng như các vấn đề về an ninh bài thi và nguy cơ gian lận trong thi cử. Dù vậy, nghiên cứu của Tran chủ yếu nhấn mạnh sự thích nghi của giảng viên đối với phương pháp đánh giá trực tuyến dựa trên Moodle, cho thấy Moodle là một công cụ linh hoạt và thuận tiện trong việc hỗ trợ đánh giá học tập.

Tổng hợp lại, các nghiên cứu trước đây đã khẳng định được hiệu quả và những lợi ích của Moodle trong giảng dạy và đánh giá học tập. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống cần được nghiên cứu thêm, đặc biệt là về các thách thức mà người dùng có thể gặp phải khi sử dụng Moodle cho việc đánh giá trực tuyến. Điều này mở ra hướng nghiên cứu mới nhằm tìm hiểu sâu hơn về những khó khăn này và đề xuất các giải pháp phù hợp để tối ưu hóa việc sử dụng Moodle trong giáo dục nói chung và HUFLIT nói riêng.

## IV. CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU

### A. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

Đề tài này sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng và định tính để phân tích nhận thức của giảng viên về hiệu quả của việc tích hợp Hệ thống quản lý học tập Moodle (LMS) trong đánh giá tại Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT. Thiết kế này sẽ cung cấp dữ liệu có thể đo lường và các nhận định chuyên sâu cho bối cảnh kiểm tra đánh giá tại trường. Bằng cách tích hợp kết quả từ cả hai nguồn dữ liệu, phương pháp nghiên cứu hỗn hợp này cho phép hiểu rõ hơn về hiệu quả của Moodle trong đánh giá thông qua phương pháp tam giác, tăng cường chiều sâu và độ tin cậy của kết quả.

Phần nghiên cứu định lượng sử dụng bảng câu hỏi Likert 5 mức độ từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý” nhằm đánh giá quan điểm của giảng viên tại Khoa Ngoại Ngữ, HUFLIT. Các phản hồi liên quan từ bảng hỏi thể hiện được mức độ đồng ý về các khía cạnh quan trọng của Moodle trong đánh giá. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng ở giai đoạn này để lựa chọn các đối tượng tham gia phù hợp trong bối cảnh Khoa Ngoại ngữ.

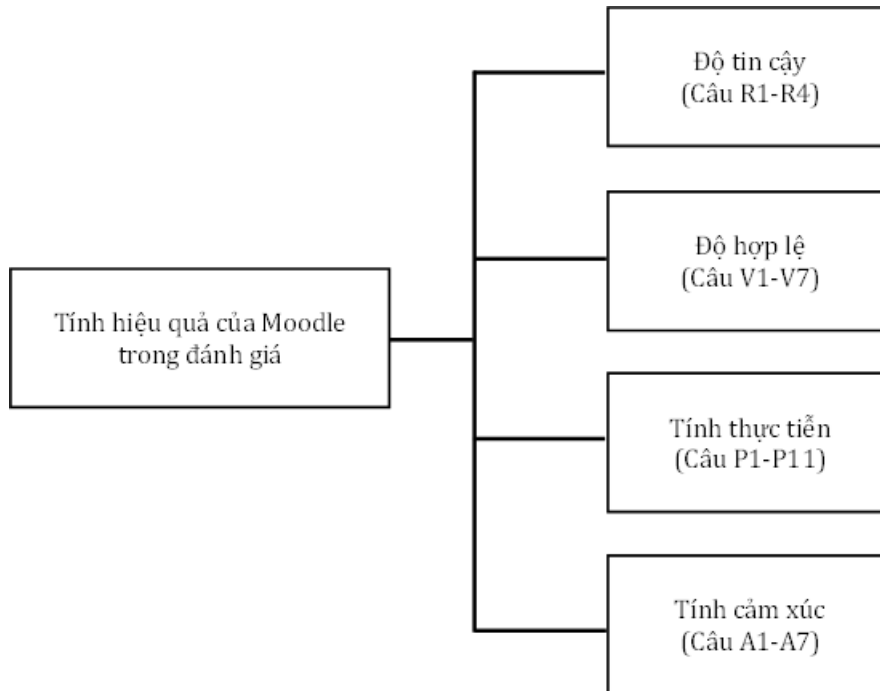
Sau khi thực hiện khảo sát, phần nghiên cứu định tính được tiến hành thông qua các cuộc phỏng vấn sâu với mẫu đối tượng tham gia được chọn có chủ đích. Những cuộc phỏng vấn này tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận mở, cho phép giảng viên trình bày chi tiết trải nghiệm của họ với Moodle trong bối cảnh kiểm tra - đánh giá. Dữ liệu định tính được phân tích theo chủ đề nhằm cung cấp thông tin bổ sung cho kết quả định lượng.

### B. CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU

Công cụ nghiên cứu bao gồm một bảng câu hỏi trực tuyến và một bảng hướng dẫn phỏng vấn sâu để thu thập dữ liệu định lượng và định tính về việc áp dụng Moodle trong kiểm tra - đánh giá.

### 1. BẢNG CÂU HỎI

Bảng câu hỏi trực tuyến được hiệu chỉnh từ [31], [36], và [37], bao gồm 29 câu hỏi Likert 5 mức độ dành cho giảng viên, được thiết kế để đo lường định lượng nhận thức về hiệu quả của Moodle trong kiểm tra - đánh giá.



Hình 2. Cấu trúc bảng hỏi dành cho giảng viên

Như trình bày trong Hình 2, bảng hỏi chứa 4 mục nhắm đến các khía cạnh cụ thể về hiệu suất của Moodle như được thể hiện ở lưu hình trên, từ đó những thách thức gặp phải từ hoạt động kiểm tra - đánh giá được khai thác. Các mục này được thiết kế để cung cấp một cái nhìn tổng quan về hiệu quả của Moodle trong đánh giá từ nhiều góc độ. Độ tin cậy của từng bảng câu hỏi được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha để xác nhận tính nhất quán giữa các phần. Hệ số Cronbach's Alpha cho thấy độ tin cậy cao, điều này chứng minh tính nhất quán mạnh mẽ trong đo lường nhận thức về hiệu quả của Moodle. Bảng 1 dưới đây cho thấy các điểm số độ tin cậy cho từng yếu tố liên quan.

Bảng 1. Độ tin cậy bảng hỏi cho giảng viên

Khía cạnh	Chỉ số Cronbach's Alpha	Số câu hỏi
Độ tin cậy (Câu R1-R4)	.901	4
Độ hợp lệ (Câu V1-V7)	.869	7
Tính thực tiễn (Câu P1-P11)	.927	11
Tính cảm xúc (Câu A1-A7)	.840	7

### 2. PHỎNG VẤN CHUYÊN SÂU

Bên cạnh bảng câu hỏi, các cuộc phỏng vấn chuyên sâu được thực hiện với các giảng viên tình nguyện. Những cuộc phỏng vấn này được triển khai nhằm khai thác trải nghiệm của người tham gia trong việc sử dụng Moodle cho các hoạt động kiểm tra và đánh giá, qua đó làm rõ hơn các thách thức và đề xuất những cải thiện cần thiết. Việc cho phép trả lời các câu hỏi mở giúp các cuộc phỏng vấn mang lại những thông tin đủ sâu và phong phú về thái độ cũng như nhận thức của người tham gia, từ đó bổ sung và làm rõ hơn các kết quả thu được từ phần khảo sát định lượng.

#### C. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU

Trường HUFLIT hiện có số lượng sinh viên theo học các ngành ngoại ngữ và tin học chiếm đa số, điều này càng làm nổi bật tầm quan trọng của việc thiết kế các phương thức kiểm tra phù hợp và hiệu quả. Việc đánh giá dựa trên máy tính đã và đang được triển khai cho các học phần thuộc các Tổ bộ môn tiếng Anh và tiếng Trung ở Khoa Ngoại ngữ cho những học phần như sau từ Học kỳ III năm học 2023-2024 như được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Hình thức kiểm tra đánh giá trên máy tính đã được triển khai tại Khoa Ngoại Ngữ

STT	Tên học phần	Hình thức kiểm tra - đánh giá				
		MCQ	Fill in the blanks	Short answers	Matching	Essay
1	Nhập môn Ngôn ngữ học	✓				
2	Nhập môn Ngôn ngữ Trung Quốc	✓				
3	Nhập môn Ngôn ngữ Anh	✓				
4	Văn minh Anh	✓				
5	Văn minh Mỹ	✓				
6	Ngữ âm - Âm vị	✓				
7	Kỹ năng Đọc hiểu tiếng Anh 1	✓	✓	✓	✓	
8	Kỹ năng Đọc hiểu tiếng Anh 2	✓	✓	✓	✓	
9	Đọc báo chí	✓	✓	✓	✓	
10	Kỹ năng tiếng Anh nâng cao	✓	✓	✓	✓	✓

Bảng 3. Thông tin mô tả đối tượng tham gia nghiên cứu

Biến		Số lượng	Phần trăm
Giới tính	Nữ	68	72%
	Nam	26	28%
Bằng cấp cao nhất	Thạc sĩ	87	92%
	Tiến sĩ	7	8%
Kinh nghiệm giảng dạy	1-3 năm	7	7.4%
	4-9 năm	18	19.1%
	10-15 năm	29	30.8%
	> 15 năm	40	42.7%

Hình thức kiểm tra đánh giá trên máy tính chủ yếu hiện nay là trắc nghiệm, được thực hiện thông qua hệ thống phòng máy và nền tảng Moodle, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và quản lý, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đánh giá và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập. Tuy nhiên, Tổ Bộ môn Ngôn ngữ và Giao tiếp đã và đang có những bước tiến cơ bản trong việc tổ chức và hoàn thiện dần việc tích hợp đa dạng bài trong hoạt động kiểm tra đánh giá như được thể hiện trong Bảng 2 ở trên.

Như số liệu được thể hiện trong Bảng 3 cung cấp thông tin nhân khẩu học của 94 đối tượng giảng viên tham gia nghiên cứu theo bao khía cạnh giới tính, trình độ học vấn, và kinh nghiệm giảng dạy. Từ thống kê này cho thấy phần lớn giảng viên tham gia khảo sát là nữ, chiếm 72% (n=68), trong khi giảng viên nam chiếm 28% (n=26). Về trình độ học vấn, đa số giảng viên có bằng Thạc sĩ (92%, n=87) và 8% Tiến sĩ (n=7). Xét về kinh nghiệm giảng dạy, tỷ lệ giảng viên có thâm niên trên 10 năm khá lớn, trong đó thâm niên giảng dạy trên 15 năm chiếm cao nhất với 42.7% (n=40). Tiếp đến là nhóm 10-15 năm kinh nghiệm (30.8%, n=29), 4-9 năm kinh nghiệm (19.1%, n=18), và chỉ 7.4% (n=7) có từ 1-3 năm kinh nghiệm. Thông tin nhân khẩu cho thấy đối tượng tham gia khảo sát là giảng viên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm giảng dạy. Dữ liệu thu tập được đảm bảo độ tin cậy cho nghiên cứu.

#### **D. QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ KẾ HOẠCH PHÂN TÍCH SỐ LIỆU**

Sau khi được hiệu chỉnh trên nền tảng lý thuyết và góp ý của chuyên gia, độ tin cậy của bảng hỏi được chứng minh thông qua khảo sát thí điểm với 42 giảng viên tiếng Anh tại Khoa Ngoại Ngữ. Bảng hỏi sau thử nghiệm dành cho

giảng viên sẽ được gửi vào nhóm thông tin chung của Khoa để nhận được sự phản hồi từ tất cả giảng viên đang công tác tại Khoa cho hoạt động kiểm tra – đánh giá cuối kỳ trên LMS Moodle thông qua Google form.

Các câu trả lời từ 94 giảng viên thông qua bảng hỏi khảo sát chính thức đều được kiểm tra và phân tích. Dựa trên dữ liệu từ phản hồi của giảng viên, nhóm nghiên cứu phân tích toàn diện các xu hướng chính cũng như các ý kiến khác biệt. Qua đó, có thể xác định được các nhóm phản hồi chính và các khía cạnh cần nghiên cứu thêm để đạt được sự sâu sắc trong hiểu biết. Dựa trên mục tiêu nghiên cứu và kết quả phân tích phản hồi, nhóm nghiên cứu thiết lập các tiêu chí cụ thể để phân 20 giảng viên vào các nhóm khác nhau. Các tiêu chí bao gồm mức độ khác biệt trong phản hồi, các yếu tố liên quan đến đặc điểm cá nhân của giảng viên, mức độ hài lòng và những thách thức đang gặp phải. Trong mỗi nhóm đại diện và nhóm có ý kiến ngoại lệ, nhóm nghiên cứu áp dụng chọn mẫu mục tiêu để tham gia phỏng vấn tập trung để khai thác sâu hơn những thông tin liên quan. Số liệu thu được từ bảng hỏi khảo sát sẽ được phân tích định lượng cho những giá trị như:

- Mean & SD
- Phép đo sự khác biệt giữa kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên và nhận thức của họ đối với hoạt động kiểm tra – đánh giá.

Ngoài ra, số liệu định tính thu được từ phỏng vấn nhóm được phân tích theo chủ đề (thematic analysis) để khai thác và hiểu rõ hơn về những khía cạnh tư duy của sinh viên và giảng viên về vấn đề đang được nghiên cứu. Từ đó, giải pháp sẽ được đề xuất, thực hiện, và tái đánh giá để hiệu chỉnh tốt hơn.

## V. KẾT QUẢ

### A. MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VÀ KHÓ KHĂN CỦA GIẢNG VIÊN

Bảng 4 trình bày quan điểm của giảng viên về độ tin cậy của hệ thống Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ. Kết quả cho thấy điểm trung bình chung đạt 3.87 trên thang 5, thể hiện mức độ đồng ý khá cao từ phía giảng viên. Cụ thể, giảng viên đồng ý rằng điểm số trên máy tính được bảo mật an toàn hơn (R2, M = 4.10 – cao nhất) và việc đăng nhập bằng tên người dùng, mật khẩu giúp đảm bảo an toàn (R4, M = 3.87). Tuy nhiên, về độ chính xác của điểm số do máy chấm (R1, M = 3.74) và mức độ khó gian lận trong thi trực tuyến (R3, M = 3.78 – thấp nhất), mức đồng ý thấp hơn, phản ánh sự thận trọng nhất định của giảng viên đối với những khía cạnh kỹ thuật và tính minh bạch. Nhìn chung, giảng viên đánh giá Moodle là công cụ đáng tin cậy, nhưng vẫn cần tiếp tục nâng cao các biện pháp bảo mật và phòng chống gian lận để tăng cường sự tin tưởng tuyệt đối từ phía người quản lý và người tổ chức thi.

Bảng 4. Quan điểm của giảng viên về độ tin cậy của Moodle trong thi cuối kì

Statements	Mean	Stand. Dev.
R1. Điểm số chính xác hơn vì máy tính không mắc lỗi như con người	3.74	0.891
R2. Điểm số trong bài kiểm tra trên máy tính của sinh viên được bảo mật an toàn	4.10	0.804
R3. Sinh viên dễ gian lận hơn trong bài thi trên máy tính so với bài thi giấy	3.78	1.147
R4. Đăng nhập bằng tên người dùng và mật khẩu đủ an toàn cho bài thi trên máy tính	3.87	0.833
<b>Độ tin cậy</b>	<b>3.87</b>	<b>0.578</b>

Bảng 5 trình bày quan điểm của giảng viên về độ hợp lệ của hệ thống Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ. Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình chung đạt 4.01 trên thang 5, phản ánh mức đồng ý cao. Giảng viên đặc biệt đồng ý rằng bài thi trên máy tính có thể bao gồm nhiều loại câu hỏi để kiểm tra kiến thức đầy đủ (V5, M = 4.46 – cao nhất), và các kỳ thi trên máy tính đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng công nghệ (V3, M = 4.26) cũng như phù hợp với phương pháp học tập hiện đại (V4, M = 4.20). Các yếu tố khác như thời lượng bài thi (V7, M = 4.09) và tính phù hợp của các dạng câu hỏi với nội dung cũng như mục tiêu học phần (V2, M = 3.83, V6, M = 4.13) cũng nhận được đánh giá tích cực. Tuy nhiên, chỉ số thấp nhất thuộc về nhận định rằng kiến thức học phần đủ phức tạp để giải quyết qua thi máy tính (V2, M = 3.18), cho thấy một số giảng viên vẫn băn khoăn về việc liệu thi trên máy có thực sự đánh giá được toàn diện những kiến thức sâu rộng và phức tạp.

Ghi nhận phản hồi từ giảng viên thông qua phỏng vấn, tính chất học phần, chuẩn đầu ra học phần cần được cân nhắc cẩn trọng trước khi quyết định thi cuối kỳ trên máy tính hoặc giấy để đảm bảo chất lượng kiểm tra đánh giá.

- “Đôi lúc, sinh viên vẫn cần hoàn thành bài thi dưới hình thức tự luận để phản ánh tư duy sâu cũng như sự tích hợp kiến thức đã học một cách phản biện và logic thay vì lúc nào cũng trắc nghiệm”.
- “Chuẩn đầu ra học phần nên là yếu tố quan trọng quyết định đến việc triển khai kiểm tra – đánh giá cuối kỳ trên LMS Moodle. Với đặc thù học phần thực hành tiếng như Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết tiếng Anh và tiếng Trung nhiều cấp độ thì có thể, hoặc những học phần cần kiểm tra khía cạnh lý thuyết tiếng, văn minh văn học có thể triển khai trên máy tính với sự kết nối các dạng bài và phân bố nội dung phù hợp. Những học phần cần đánh giá sâu khả năng tư duy người học vẫn nên ưu tiên tự luận có thể đánh giá hiệu quả”.

Tóm lại, giảng viên đánh giá cao độ hợp lệ của Moodle, đặc biệt ở khía cạnh tính đa dạng câu hỏi, sự phù hợp với mục tiêu học tập, và vai trò trong nâng cao kỹ năng số, nhưng vẫn cần cân nhắc thêm về cách thiết kế bài thi để bao quát toàn bộ nội dung học phần một cách hợp lý, hiệu quả, thấu đáo.

Bảng 5. Quan điểm của giảng viên về độ hợp lệ của Moodle trong thi cuối kì

Statements	Mean	Stand. Dev.
V1. Thực hiện bài thi trên máy tính phù hợp với học phần sinh viên đã học	3.83	0.888
V2. Kiến thức trong học phần tôi dạy quá phức tạp để có thể giải quyết bằng các câu hỏi trắc nghiệm trên máy tính	3.18	1.154
V3. Các kỳ thi trên máy tính có vai trò quan trọng về khía cạnh tích hợp công nghệ ở bậc đại học	4.26	0.655
V4. Thi trên máy tính phù hợp với phương pháp học tập hiện đại ở trường đại học	4.20	0.665
V5. Bài thi trên máy tính cần bao gồm nhiều loại câu hỏi khác nhau để kiểm tra kiến thức của sinh viên một cách đầy đủ	4.46	0.634
V6. Các dạng câu hỏi trong bài thi phù hợp với mục tiêu học tập của học phần	4.13	0.722
V7. Thời lượng của bài thi trên máy phù hợp với số lượng và tính chất câu hỏi	4.09	0.771
<b>Độ hợp lệ</b>	<b>4.01</b>	<b>0.477</b>

Bảng 6 trình bày quan điểm của giảng viên về tính thực tiễn của hệ thống Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ. Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình chung đạt 3.98 trên thang 5, phản ánh mức đồng ý cao. Giảng viên đặc biệt đồng ý rằng làm bài thi trên máy tính tiết kiệm giấy (P1, M = 4.39), tính năng trộn câu hỏi từ ngân hàng câu hỏi rất hữu ích (P9, M = 4.37), thi trực tuyến tại phòng máy trong trường là ý tưởng hay (P7, M = 4.34), và hình thức này phù hợp với phương pháp học tập kết hợp (P8, M = 4.30). Ngoài ra, các yếu tố như giao diện dễ sử dụng (P3, M = 4.05), hệ thống tự động lưu câu trả lời (P4, M = 3.99), và tính năng cho phép bỏ qua câu hỏi để trả lời sau (P5, M = 4.23) cũng nhận được sự đồng thuận cao. Tuy nhiên, mức đồng ý thấp hơn xuất hiện ở việc chấm điểm bài luận (P10, M = 3.11 – thấp nhất) và kiểm tra đạo văn (P11, M = 3.71), cho thấy giảng viên còn băn khoăn về khả năng hỗ trợ xử lý bài tự luận một cách thuận tiện và chính xác trên hệ thống.

Ghi nhận phản hồi của một số giảng viên thông qua phỏng vấn, sự bất tiện trong công tác chấm bài trên máy tính nhận được một số câu trả lời sau:

- “Thao tác chấm bài luận trên máy tính khá rườm rà, phải qua nhiều bước click chuột mới vào được nội dung cần chấm và phải click nhiều lần mới qua được bài luận tiếp theo của sinh viên. Điều này khá mất thời gian chứ thao tác chấm không khó”.
- “Sự tích hợp của AI vào quy trình chấm trên LMS Moodle sẽ là một giải pháp tiềm năng được đề xuất, mang lại hiệu quả chấm bài cao hơn cho giảng viên”.

Bên cạnh đó, phần đông giảng viên bày tỏ nhận định chấm trên máy tính dễ dàng hơn chấm trên giấy vì:

- “Bài viết đánh máy của sinh viên dễ đọc hơn vì chữ viết của sinh viên thường rất khó xem. Việc đọc bài luận của sinh viên trên máy tính giúp giảng viên cảm thấy dễ chịu hơn so với đọc chữ viết tay, việc chấm điểm cũng diễn ra chính xác hơn”.

Từ kết quả trên, giảng viên đánh giá Moodle là công cụ thực tiễn, dễ sử dụng, hỗ trợ tốt cho tổ chức thi cử trực tuyến, nhưng vẫn cần hoàn thiện thêm các chức năng nâng cao như chấm điểm và chống đạo văn để đáp ứng toàn diện các loại bài thi.

Bảng 6. Quan điểm của giảng viên về tính thực tiễn của Moodle trong thi cuối kì

Statements	Mean	Stand. Dev.
P1. Tôi thích bài kiểm tra trên máy tính vì chúng sử dụng ít giấy hơn	4.39	0.765
P2. Các vấn đề kỹ thuật khiến bài kiểm tra trên máy tính khó thực hiện	3.39	1.070
P3. Giao diện Moodle dễ sử dụng khi cung cấp hướng dẫn rõ ràng về số lượng câu hỏi, cách trả lời, và thời gian làm bài	4.05	0.753
P4. Hệ thống tự động lưu câu trả lời của sinh viên nếu kết nối Internet bị mất	3.99	0.898
P5. Hệ thống cho phép sinh viên bỏ qua một số câu hỏi và quay lại trả lời sau	4.23	0.835
P6. Dễ dàng liên hệ với đội hỗ trợ khi có vấn đề kỹ thuật	3.90	0.905
P7. Làm bài kiểm tra trực tuyến tại các phòng máy tính trong khuôn viên trường là một ý tưởng hay	4.34	0.665
P8. Kiểm tra trên máy tính phù hợp với Phương pháp học tập kết hợp	4.30	0.636
P9. Tính năng trộn các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi trên hệ thống rất hữu ích	4.37	0.748
P10. Chấm điểm các bài luận trên máy tính thì dễ dàng	3.11	1.240
P11. Kiểm tra đạo văn trong các bài luận trực tuyến thì dễ dàng	3.71	1.064
<b>Tính thực tiễn</b>	<b>3.98</b>	<b>0.448</b>

Bảng 7 trình bày quan điểm của giảng viên về tính cảm xúc khi sử dụng Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ. Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình chung đạt 3.930 trên thang 5, phản ánh mức đồng ý cao. Giảng viên đồng ý ở mức rất cao rằng thi trên máy tính tiết kiệm thời gian chấm điểm (A4, M = 4.65 – cao nhất) và giúp sinh viên có động lực hơn khi nhận được điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi (A5, M = 4.35). Ngoài ra, các yếu tố như việc sinh viên cảm thấy thoải mái (A1, M = 3.91), thích đánh máy hơn viết tay (A7, M = 3.99), và sự tương thích với niềm đam mê công nghệ (A6, M = 3.73) cũng được ghi nhận ở mức khá tích cực. Tuy nhiên, yếu tố “bài thi dễ đọc hơn” (A3, M = 3.19 – thấp nhất) và khả năng giúp sinh viên dễ tập trung (A2, M = 3.68) được giảng viên đánh giá ở mức trung bình, phản ánh một số băn khoăn về trải nghiệm thực tế của sinh viên trong thi cử.

Cụ thể, từ số liệu định tính thông qua phỏng vấn, giảng viên cho biết kỹ năng công nghệ và sức khỏe của sinh viên đôi lúc sẽ là rào cản, gây ảnh hưởng đến hiệu quả làm bài kiểm tra. Được nhắc đến đầu tiên chính là khả năng đánh máy chưa thành thạo ở một số bộ phận sinh viên.

- “Không phải tất cả sinh viên đều có kỹ năng đánh máy tốt. Điều này cũng phần nào gây ảnh hưởng đến tốc độ hoàn thành bài kiểm tra của sinh viên”.
- Ngoài ra, sức khỏe tinh thần khi tiếp xúc với thiết bị máy tính cũng được khai thác từ góc nhìn của giảng viên.
- “Vấn đề về mắt khi phải làm bài trước màn hình máy tính liên tục và áp lực về tinh thần cũng là yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng đọc và tập trung của sinh viên. Đây là rào cản vô hình nhưng cần được

ghi nhận và có giải pháp phù hợp như giảm độ sáng của màn hình máy tính và có sự phân bố nội dung trên giao diện tinh gọn hơn, dễ nhìn hơn thay vì dàn rộng và kéo dài”.

Có thể thấy giảng viên đánh giá Moodle mang lại tác động cảm xúc tích cực cho sinh viên, đặc biệt nhờ vào tính minh bạch, nhanh chóng trong chấm điểm, nhưng vẫn cần cải thiện thêm trải nghiệm giao diện và hỗ trợ tập trung trong khi làm bài.

Bảng 7. Quan điểm của giảng viên về tính cảm xúc của Moodle trong thi cuối kì

Statements	Mean	Stand. Dev.
A1. Tôi cảm thấy sinh viên thoải mái hơn khi làm các bài kiểm tra trên máy tính	3.91	0.757
A2. Tôi thấy sinh viên dễ dàng tập trung vào các câu hỏi khi làm bài thi trên máy tính	3.68	0.779
A3. Bài thi trên máy tính dễ đọc hơn	3.19	1.019
A4. Thi trên máy tính tiết kiệm thời gian chấm điểm cho giảng viên	4.65	0.651
A5. Tôi cảm thấy sinh viên có động lực hơn khi nhận được điểm ngay khi hoàn thành bài thi	4.35	0.714
A6. Làm bài thi trên máy tính tương thích với niềm đam mê công nghệ của tôi	3.73	0.986
A7. Tôi thích sinh viên đánh máy hơn là viết tay đáp án bài thi	3.99	1.102
<b>Tính cảm xúc</b>	<b>3.93</b>	<b>0.590</b>

### B. SỰ KHÁC BIỆT TRONG QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN

Kết quả phân tích trong Bảng 8 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm giảng viên về giới tính, bằng cấp và kinh nghiệm giảng dạy đối với các khía cạnh đánh giá LMS Moodle (độ tin cậy, độ hợp lệ, tính thực tiễn, yếu tố cảm xúc, hiệu quả tổng thể). Cụ thể, với biến giới tính (Independent Sample T-Test), các giá trị Sig. gồm Reliability Sig. = 0.900; Practicality Sig. = 0.491; Overall effectiveness Sig. = 0.946 đều lớn hơn 0.05, cho thấy quan điểm giữa giảng viên nam (n = 26) và nữ (n = 68) về LMS Moodle là tương đồng. Tương tự, phân tích theo bằng cấp thạc sĩ và tiến sĩ cũng không ghi nhận sự khác biệt đáng kể (Sig. > 0.05), cho thấy trình độ học thuật không ảnh hưởng rõ rệt đến cách giảng viên đánh giá các khía cạnh của hệ thống.

Đối với kinh nghiệm giảng dạy, kết quả phân tích One-way ANOVA giữa các nhóm (1-3 năm, 4-9 năm, 10-15 năm, >15 năm) cũng cho thấy không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về mức độ hiệu quả tổng thể cũng như yếu tố thành phần của LMS Moodle trong các kỳ thi cuối kỳ với mức ý nghĩa Sig. > 0.05, cho thấy dù kinh nghiệm giảng dạy khác nhau, giảng viên đều có đánh giá đồng thuận và nhất quán về LMS Moodle. Kết quả này chỉ ra rằng quan điểm của giảng viên về độ tin cậy, hợp lệ, thực tiễn, cảm xúc và hiệu quả tổng thể của LMS Moodle không bị chi phối bởi các đặc điểm nhân khẩu học hoặc học thuật, mà chủ yếu dựa trên trải nghiệm thực tế của họ khi sử dụng hệ thống. Đây là một điểm mạnh, vì nó cho thấy Moodle được đánh giá công bằng, đồng đều và không bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt cá nhân giữa các nhóm giảng viên.

Bảng 8. So sánh sự khác biệt theo biến giới tính, bằng cấp, và kinh nghiệm giảng dạy

Variables	Test	N	Reliability		Validity		Practicality		Affective factors		Overall effectiveness	
			T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.
Gender	Independent Sample T-Test		T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.
	Male	26	.127	.900	.100	.351	.664	.509	-.071	.944	-.068	.946
	Female	68										
Degree	Independent Sample T-Test		T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.	T	Sig.

	MA	87	1.439	.153	-	.044	-.907	.367	.149	.882	-.259	.867
	PhD	7			2.037							
Teaching experience	One-way ANOVA (F)		F	Sig.	F	Sig.	F	Sig.	F	Sig.	F	Sig.
	1-3 years	7	.496	.686	.237	.237	.498	.685	1.542	.209	1.124	.344
	4-9 years	18										
	10-15 years	29										
	> 15 years	40										

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy giảng viên có đánh giá tích cực về hệ thống LMS Moodle trên bốn khía cạnh: độ tin cậy, độ hợp lệ, tính thực tiễn và tính cảm xúc. Toàn bộ giảng viên đều đồng thuận rằng Moodle mang lại độ tin cậy cao nhờ tính chính xác, bảo mật và hạn chế lỗi thủ công; tuy nhiên, giảng viên tỏ ra thận trọng hơn so với sinh viên về vấn đề gian lận, phản ánh góc nhìn quản lý chặt chẽ hơn. Về độ hợp lệ, giảng viên nhất trí rằng LMS Moodle phù hợp với mục tiêu học tập và có khả năng đánh giá đúng năng lực người học, song giảng viên nhấn mạnh nhiều hơn đến vai trò của LMS Moodle trong phát triển kỹ năng công nghệ. Đối với tính thực tiễn, tất cả giảng viên đánh giá cao các tính năng kỹ thuật hỗ trợ, giao diện thân thiện và khả năng tổ chức thi online, dù giảng viên đặc biệt quan tâm đến các vấn đề nâng cao như chấm điểm bài luận và kiểm tra đạo văn. Về tính cảm xúc, giảng viên quan tâm đến sự minh bạch, tiết kiệm thời gian chấm điểm và phản hồi nhanh. Đặc biệt, kết quả phân tích từ Bảng 14 cũng chỉ ra rằng các yếu tố như giới tính, bằng cấp và kinh nghiệm giảng dạy không tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa trong đánh giá của giảng viên, cho thấy LMS Moodle nhận được sự đánh giá đồng thuận cao, bất kể xuất phát điểm cá nhân hay học thuật. Nhìn chung, dù có sự khác biệt về góc nhìn quản lý từ giảng viên, tất cả giảng viên đều thống nhất rằng LMS Moodle là một công cụ hữu ích, hiệu quả và tiềm năng trong việc đổi mới kiểm tra, đánh giá học tập ở bậc đại học. Tuy nhiên, để phát huy tối đa lợi ích, hệ thống cần tiếp tục được cải tiến nhằm đáp ứng đồng thời yêu cầu kỹ thuật, quản lý và trải nghiệm người học.

## VI. THẢO LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

### A. TÓM TẮT SỐ LIỆU

Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên có mức độ hài lòng cao với hệ thống Moodle trên nhiều phương diện, với điểm trung bình chung cao nhất thuộc về độ hợp lệ ( $M = 4.01$ ), tiếp theo là tính thực tiễn ( $M = 3.981$ ), tính cảm xúc ( $M = 3.93$ ), và độ tin cậy ( $M = 3.872$ ). Về độ tin cậy, giảng viên hài lòng với khả năng bảo mật điểm số ( $R2, M = 4.10$  - cao nhất nhóm), tính an toàn khi đăng nhập ( $R4, M = 3.87$ ), và hạn chế lỗi con người ( $R1, M = 3.74$ ). Về độ hợp lệ, giảng viên đánh giá cao khả năng đa dạng hóa câu hỏi ( $V5, M = 4.46$  - cao nhất), vai trò nâng cao kỹ năng công nghệ ( $V3, M = 4.26$ ), và sự phù hợp với phương pháp học tập hiện đại ( $V4, M = 4.20$ ), phản ánh niềm tin vào Moodle như một công cụ đánh giá chất lượng. Về tính thực tiễn, giảng viên hài lòng với tính năng tiết kiệm giấy ( $P1, M = 4.39$ ), trộn câu hỏi từ ngân hàng đề ( $P9, M = 4.37$ ), thi trực tuyến tại phòng máy ( $P7, M = 4.34$ ), và hỗ trợ thi kết hợp ( $P8, M = 4.30$ ). Về tính cảm xúc, họ đặc biệt hài lòng với khả năng tiết kiệm thời gian chấm điểm ( $A4, M = 4.65$  - cao nhất toàn bộ khảo sát) và tạo động lực cho sinh viên nhờ trả điểm nhanh ( $A5, M = 4.35$ ). Nhìn chung, kết quả nghiên cứu hiện tại từ số liệu định tính và định lượng cho thấy sự đánh giá cao của Giảng viên trong việc triển khai hoạt động kiểm tra - đánh giá trên hệ thống LMS Moodle. Kết quả nghiên cứu này có những khía cạnh đóng góp nổi bật so với những nghiên cứu trước. Cụ thể là nghiên cứu khảo sát và thực nghiệm tại Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông, cuộc thi Olympic Khoa học chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Cần Thơ năm 2013 [33], nghiên cứu tập trung khai thác những ưu điểm nổi trội của LMS Moodle về mặt kỹ thuật cho công tác kiểm tra - đánh giá trực tuyến. Ghi nhận những ưu điểm về LMS Moodle đã được đề cập và phân tích, nghiên cứu này tập trung khai thác sâu những ưu điểm đã được đề cập từ góc nhìn trải nghiệm thực tiễn và ghi nhận những phản hồi từ giảng viên để đánh giá kép hiệu quả vận dụng LMS Moodle cho công tác kiểm tra - đánh giá cuối kỳ tại Khoa Ngoại Ngữ, HUFLIT.

Đáng chú ý, kết quả phân tích từ Bảng 8 cho thấy các đặc điểm cá nhân như giới tính ( $Sig. > 0.05$ ), bằng cấp ( $Sig. > 0.05$ ) và kinh nghiệm giảng dạy ( $Sig. > 0.05$ ) không tạo ra sự khác biệt đáng kể trong quan điểm của giảng viên về các khía cạnh trên. Điều này phản ánh mức độ hài lòng và đánh giá của giảng viên về Moodle mang tính đồng thuận cao, nhất quán giữa các nhóm, không bị chi phối bởi khác biệt nhân khẩu học hay học thuật. Tuy nhiên, vẫn còn một số băn khoăn liên quan đến các vấn đề kỹ thuật (như chấm điểm bài luận, kiểm tra đạo văn) và trải nghiệm thực tế của sinh viên (khả năng tập trung, độ dễ đọc), đòi hỏi những cải tiến tiếp theo để tối ưu hóa hệ thống. Kết quả này khẳng định Moodle không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu kỹ thuật và quản lý của giảng viên mà còn góp phần nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá trong giáo dục đại học, trở thành công cụ tiềm năng để đổi mới phương

pháp thi cử trong bối cảnh hiện đại. Tuy nhiên, giảng viên cũng gặp phải một số khó khăn nhất định. Vấn đề nổi bật là chấm điểm bài tự luận (P10, M = 3.11 – thấp nhất toàn bộ khảo sát) và kiểm tra đạo văn (P11, M = 3.71), cho thấy Moodle chưa hỗ trợ tốt các dạng bài thi yêu cầu đánh giá mở và phức tạp. Ngoài ra, giảng viên băn khoăn về khả năng đánh giá kiến thức phức tạp của học phần (V2, M = 3.18 – thấp nhất nhóm hợp lệ), phản ánh lo ngại rằng thi online chủ yếu đánh giá được kỹ năng cơ bản, chưa bao quát được năng lực tư duy phân tích, lập luận chuyên sâu. Một số giảng viên cũng nhắc đến khó khăn trong việc đảm bảo trải nghiệm thi cử cho sinh viên, với mức đồng ý trung bình về khả năng giúp sinh viên tập trung (A2, M = 3.68) và độ dễ đọc của giao diện câu hỏi (A3, M = 3.19).

Kết quả nghiên cứu hiện tại khác biệt với nghiên cứu của Tran (2024) [35]. Tran (2024) đã chỉ ra một số bất lợi về quy trình triển khai hoạt động kiểm tra đánh giá trên nền tảng LMS Moodle như thiếu quy trình bảo mật nghiêm ngặt, quá trình soạn câu hỏi kiểm tra tốn nhiều thời gian, cũng như các vấn đề về an ninh bài thi và nguy cơ gian lận trong thi cử. Tuy nhiên, từ nghiên cứu hiện tại, những vấn đề nêu trên dường như không phải là mối lo ngại của giảng viên khi triển khai hoạt động kiểm tra – đánh giá trên LMS Moodle tại Khoa Ngoại Ngữ, HUFLIT. Thay vào đó, hầu hết giảng viên chú ý nhiều vào những cách thức thực thực hiện hiệu quả hơn, làm thế nào để đơn giản hóa quá trình thiết kế bài thi cuối kỳ, trực quan hóa bài thi cuối kỳ để mang lại sự dễ chịu, thân thiện và kết quả làm bài tốt cho sinh viên.

Nghiên cứu hiện tại ghi nhận đóng góp những góc nhìn phản biện hơn từ giảng viên, những người trực tiếp tham gia vào quá trình thiết kế đề thi trực tuyến, mã hóa đề thi trực tuyến trên hệ thống LMS Moodle, quan sát cả quá trình hoàn thành bài thi trực tuyến của sinh viên, và hoàn thành công tác chấm thi trực tuyến. Kết quả ghi nhận trong nghiên cứu này trực tiếp chứng minh cho sự linh hoạt, thuận tiện, khả thi, và hiệu quả của hệ thống khi những quan sát và nhận định được tổng kết từ số liệu định tính và định lượng từ giảng viên đã cho chúng ta góc nhìn sâu hơn về những điểm mạnh và điểm yếu của việc vận dụng hệ thống LMS Moodle sau trải nghiệm thực tế. Ngoài ra, nghiên cứu hiện tại chứng minh cho tính hiệu quả của sự tích hợp giữa các dạng bài trắc nghiệm và tự luận để đa dạng hóa dạng bài kiểm tra, tăng mức độ đo lường kết quả giảng dạy, tăng độ khó và mức độ tư duy người học trong trong bối cảnh sử dụng tiếng Anh và tiếng Trung trong kỷ nguyên công nghệ. Góc nhìn này khác biệt với nghiên cứu của Nguyen và Doan (2019) khi tác giả chỉ tập trung so sánh các khía cạnh của câu hỏi trắc nghiệm khách quan trên máy tính và trên giấy.

## **B. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

Tập huấn thiết kế đề thi trên LMS Moodle cần được tăng cường triển khai nhằm giúp giảng viên hiểu được tổng quan về vai trò của LMS Moodle trong quản lý học phần và kiểm tra đánh giá, những nguyên tắc cơ bản trong thiết kế đề thi và mã hóa đề thi nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch, và an toàn. Bố cục và sự phân bố nội dung đề thi các phần đáp ứng chuẩn đầu ra, ma trận đề thi, và đề cương chi tiết học phần cũng được thông tin cụ thể. Ngoài ra, các dạng câu hỏi trên LMS Moodle cũng cần được giới thiệu và phân tích nhằm giúp giảng viên nhận diện được các dạng câu hỏi có thể thiết kế được, ưu và nhược điểm từng loại câu hỏi trong kiểm tra từng kỹ năng ngôn ngữ đặc thù, tư duy phản biện, và kiến thức nền tảng. Không dừng lại ở phạm trù tập huấn ở Khoa, giảng viên được khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng năng lực triển khai kiểm tra – đánh giá trên LMS Moodle thông qua các buổi chuyên đề online, các trang diễn đàn chia sẻ cộng đồng. Ý kiến đóng góp của giảng viên trong Khoa cũng được đề cao với nội dung chia sẻ mang tính thực tiễn như cách thức tạo câu hỏi bài Nghe hoặc Đọc hoặc Viết tiếng Anh hiệu quả, cách tạo các phần nội dung kiểm tra khoa học, nâng cao hiệu quả làm bài và trải nghiệm thân thiện hơn cho sinh viên.

Tiếp nối định hướng trên, giảng viên cần được phân công theo nhóm hỗ trợ xây dựng ngân hàng đề thi với số lượng câu hỏi lớn và đa dạng cấp độ tư duy theo Bloom. Mức độ khó, kỹ năng ngôn ngữ và chuẩn đầu ra liên quan cũng cần được xác định rõ để sắp xếp nội dung và dàn trải các phần phù hợp với ma trận đề thi. Việc xây dựng ngân hàng đề thi và tích lũy theo thời gian có thể giảm áp lực cho việc ra đề trong thời gian ngắn nhưng vẫn đảm bảo tính khách quan khi đề được tạo dựa trên sự lựa chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng.

Tính năng chấm điểm tự động cần được nâng cấp thông qua sự hỗ trợ và tích hợp của AI vào hệ thống LMS Moodle nhằm xây dựng bộ tiêu chí chấm điểm chuẩn hóa dựa trên những yếu tố về nội dung, tư duy phản biện lập luận, ngôn ngữ, cấu trúc. Tuy nhiên, sự tích hợp này cần cân nhắc sự thiên vị trong đánh giá về ngôn ngữ sử dụng và phong cách viết dựa trên từ vựng, ngữ pháp, chính tả, cách dùng từ, luận điểm, dẫn chứng, sự liên kết giữa các ý. Cơ chế giải thích cần cho thấy rõ tại sao AI lại cho ra kết quả đánh giá như vậy cần được cung cấp cho giảng viên. Sự kết hợp trong đánh giá giữa giảng viên và AI cần linh hoạt điều chỉnh và cân bằng. Giảng viên cũng có thể linh hoạt sử dụng các công cụ hỗ trợ chấm điểm ngoài hệ thống LMS Moodle nhưng cần cẩn trọng kiểm tra lại điểm số và phản hồi cho từng bài cụ thể để kịp thời ghi nhận những trường hợp điểm sai lệch và hiệu chỉnh. Công cụ kiểm tra đạo văn và AI cũng cần được cung cấp cho giảng viên, hỗ trợ giảng viên kiểm tra tính minh bạch trong bài kiểm tra viết đoạn văn hoặc luận văn của sinh viên.

Sự phối hợp đồng bộ và tương hỗ giữa giảng viên và bộ phận kỹ thuật cần được duy trì và nâng cao nhằm hỗ trợ sinh viên xử lý mọi vấn đề liên quan đến kỹ thuật kịp thời, đảm bảo thời gian làm bài được tối đa hóa sau sự cố kỹ

thuật. Quy trình phối hợp giữa giảng viên và kỹ thuật viên cần được xây dựng nhằm xác định rõ trách nhiệm, kênh trao đổi và thời gian phản hồi. Cơ chế phản hồi hai chiều cần được thống nhất khi giảng viên báo cáo sự cố ngay lập tức thông qua hotline hoặc nhóm chat, và kỹ thuật viên cũng có lịch trực cố định để đảm bảo phản hồi phản hồi kết quả xử lý vấn đề nhanh, đồng bộ, rõ ràng ngay sau đó. Ngoài ra, giảng viên cần chủ động xử lý những tình huống kỹ thuật cơ bản nhằm giảm tải cho bộ phận kỹ thuật. Bộ hướng dẫn sử dụng và video demo cần được thiết kế để giảng viên dễ dàng tham khảo nhanh khi gặp sự cố cho những vấn đề như sinh viên không đăng nhập được, sinh viên thao tác nhầm, lỗi thời gian cài đặt, lỗi đứng máy, lỗi mạng, v.v. Việc này sẽ giúp giảm tải cho bộ phận kỹ thuật, tăng tính chủ động cho giảng viên, mang lại trải nghiệm làm bài thi tốt hơn cho sinh viên. Một chatbot AI hoạt động 24/7 được xây dựng và tích hợp ngay trong LMS Moodle hoặc Tari HUFLIT hướng dẫn giảng viên và sinh viên cách khắc phục những sự cố cơ bản trong phòng thi để cả giảng viên và sinh viên có thể linh hoạt truy cập, tìm kiếm thông tin quan tâm về những vấn đề có khả năng gặp phải và giải pháp tối ưu nhất có thể để thực hiện. Một buổi chạy thử đề thi trước kỳ thi thật cũng nên được thực hiện nhằm kịp thời phát triển lỗi hệ thống tiềm ẩn và chủ động khắc phục. Khi trải nghiệm về quá trình làm bài thi trên LMS Moodle tốt sẽ mang đến sự tin tưởng và an tâm tuyệt đối cho sinh viên khi những yếu tố tốt không mong đợi này đều phần nào ảnh hưởng đến điểm số của các em.

### C. KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, một số giải pháp cần được triển khai đồng bộ như sau. Thứ nhất, tập huấn thiết kế đề thi trên LMS Moodle cần được tăng cường cho đội ngũ giảng viên phụ trách học phần để không ngừng sử dụng, cải tiến, và nâng cao hiệu quả công tác thiết kế và tổ chức thi. Thứ hai, tính năng chấm điểm tự động cần được nâng cấp thông qua sự hỗ trợ và tích hợp của AI nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong công tác kiểm tra đánh giá bài tự luận của sinh viên. Thứ ba, công cụ kiểm tra đạo văn và kiểm tra AI cần được cung cấp cho giảng viên để linh hoạt kiểm tra tính minh bạch của bài tự luận từ sinh viên. Cuối cùng, sự phối hợp đồng bộ và tương hỗ giữa giảng viên và bộ phận kỹ thuật cần được duy trì và nâng cao để mang đến trải nghiệm thi cuối kỳ hoàn thiện hơn trên hệ thống LMS Moodle. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này không chỉ góp phần khắc phục những hạn chế hiện tại mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng kiểm tra – đánh giá, hướng tới một hệ thống giáo dục hiện đại, công bằng và bền vững.

## VII. LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số H2024-18.

Chúng tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các tổ chức và cá nhân đã hỗ trợ và đồng hành trong quá trình thực hiện đề tài “Những vấn đề thực tiễn trong triển khai kiểm tra cuối kỳ trên LMS Moodle và các đề xuất cải tiến cho sinh viên tại Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT”. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này được trích xuất từ đề tài nghiên cứu cấp Trường với tựa đề “Nghiên cứu về những vấn đề thực tiễn và đề xuất cải tiến trong quá trình triển khai kiểm tra cuối kỳ trên hệ thống LMS Moodle cho sinh viên Khoa Ngoại Ngữ tại Trường Đại học Ngoại Ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh”. Đề tài đã được Hội đồng Đạo đức trong Nghiên cứu xem xét và phê duyệt theo mã số 56-2025.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Lãnh đạo Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT), Phòng Đào tạo Sau đại học - Khoa học công nghệ và Hội đồng Khoa học Khoa Ngoại ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp những hỗ trợ cần thiết về cơ sở vật chất, thời gian và tài liệu liên quan trong suốt quá trình triển khai nghiên cứu. Đặc biệt, chúng tôi xin ghi nhận và trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ quý báu từ các đồng nghiệp, chuyên gia đã đóng góp ý kiến và phản hồi quan trọng, góp phần hoàn thiện nội dung và tính ứng dụng của đề tài.

Đại diện nhóm nghiên cứu, chúng em chân thành cảm ơn Cô Trang đã tạo điều kiện để chúng em được rà soát và hoàn thiện bản thảo hơn trước khi được xuất bản.

## VIII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alvarez, A., & Villamañe, M. (2022), Facilitating complex assessment using Moodle, *Interactive Learning Environments*, Vol. 32, No. 2, pp. 585–599. <https://doi.org/10.1080/10494820.2022.2091614>
- [2] Ortiz-López, A., Olmos-Migueláñez, S., & Sánchez-Prieto, J. C. (2023), Toward a new educational reality: A mapping review of the role of e-assessment in the new digital context, *Education and Information Technologies*, Vol. 29, pp. 1–28. <https://doi.org/10.1007/s10639-023-12117-5>
- [3] Wang, X., & Wang, J. (2024), Comparing Chinese L2 writing performance in paper-based and computer-based modes: Perspectives from the writing product and process, *Assessing Writing*, Vol. 61, pp. 100849.

- [4] Divjak, B., Žugec, P., & Pažur Aničić, K. (2024), E-assessment in mathematics in higher education: a student perspective, *International Journal of Mathematical Education in Science and Technology*, Vol. 55, No. 8, pp. 2046-2068.
- [5] Wahas, Y. M. A., & Syed, A. J. A. (2024), E-assessment challenges during e-learning in higher education: A case study, *Education and Information Technologies*, Vol. 29, 1-20.
- [6] Charman, D., & Elmes, A. (1998), Computer based assessment: A guide to good practice, *Plymouth: SEED Publications*.
- [7] Adams, R. J., Vista, A., Scoular, C., Awwal, N., Griffin, P., & Care, E. (2015), Automatic coding procedures for collaborative problem solving. In E. Care, P. Griffin, & M. Wilson (Eds.), *Assessment and teaching of 21st century skills: Methods and approaches*, Springer, pp. 115–132. [https://doi.org/10.1007/978-94-017-9395-7\\_6](https://doi.org/10.1007/978-94-017-9395-7_6)
- [8] Li, M., Liu, H., Cai, M., & Yuan, J. (2024), Estimation of individuals' collaborative problem solving ability in computer-based assessment, *Education and Information Technologies*, Vol. 29, No. 1, pp. 483-515.
- [9] Brown, S., Race, P. & Smith, B. (1996), 500 Tips on assessment, *Kogan Page, London*.
- [10] Bugbee, A. C. (1996), The equivalence of paper-and-pencil and computer-based testing, *Journal of Research on Computing in Education*, Vol. 28, No. 3, pp. 282–299.
- [11] Drasgow, F., & Olsen-Buchanan, J. B. (1999), Innovations in computerized assessment, *Mahwah, NJ: Erlbaum*.
- [12] Mazzeo, J., & Harvey, A. L. (1988), The equivalence of scores from automated and conventional educational and psychological tests: A review of the literature. College Board Rep, *New York: College Entrance Examination Board*.
- [13] Smith, B., & Caputi, P. (2005), Cognitive interference model of computer anxiety: Implications for computer-based assessment, *Computers in Human Behavior*, Vol. 21, pp. 713–728.
- [14] Parshall, C. G., Spray, J. A., Kalohn, J. C., & Davey, T. (2002), Practical considerations in computer-based testing, *New York: Springer*.
- [15] Mead, A. D., & Drasgow, F. (1993), Equivalence of computerized and paper-and-pencil cognitive ability tests: a meta-analysis, *Psychological Bulletin*, Vol. 114, No. 3, pp. 449–458.
- [16] Bodmann, S. M. & Robinson, S. M. (2004), Speed and performance differences among computer-based and paper-pencil tests, *Journal of Educational Computing Research*, Vol. 31, No. 1, pp. 51–60.
- [17] Conole, G. & Warburton, B. (2005), A Review of computer assisted assessment. ALT-J, *Research in Learning Technology*, Vol. 13, No. 1, pp. 17-31.
- [18] Gamage, S. H., Ayres, J. R., & Behrend, M. B. (2022), A systematic review on trends in using Moodle for teaching and learning, *International Journal of STEM Education*, Vol. 9, No. 1, pp. 1–24.
- [19] Butcher, P. (2008, July 8–9), Online assessment at the Open University using open source software: Moodle, OpenMark and more. In Proceedings of the 12th International Computer Assisted Assessment (CAA) Conference, *Loughborough University*, pp. 65–78. <https://dspace.lboro.ac.uk/2134/4560>
- [20] Koneru, I. (2017), Exploring Moodle functionality for managing Open Distance Learning e-assessments, *Turkish Online Journal of Distance Education*, Vol. 18, No. 4, pp. 129–141.
- [21] Ellaway, R., & Masters, K. (2008), AMEE Guide 32: e-Learning in medical education Part 1: Learning, teaching and assessment, *Medical Teacher*, Vol. 30, No. 5, pp. 455–473. <https://doi.org/10.1080/01421590802108331>
- [22] Nicol, D. (2007), E-assessment by design: using multiple-choice tests to good effect, *Journal of Further and Higher Education*, Vol. 31, No. 1, pp. 53–64. <https://doi.org/10.1080/03098770601167922>
- [23] Maier, U., Wolf, N. and Randler, C. (2016), Effects of a computer-assisted formative assessment intervention based on multiple-tier diagnostic items and different feedback types, *Computers & Education*, Vol. 95, pp. 85–98. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2015.12.002>
- [24] Majdi Al-Qdah and Islam Ababneh. (2017), Comparing Online and Paper Exams: Performances and Perceptions of Saudi Students, *International Journal of Information and Education Technology*, Vol. 7, No. 2, pp. 106-109.
- [25] Vo, T. K. A. (2023), E-exams in Vietnam's Higher Education: Students' Computer Efficacy and Attitudes, *AsiaCALL Online Journal*, Vol. 14, No. 2, pp. 62–79. <https://doi.org/10.54855/acoj.231425>
- [26] Butler-Henderson, K., & Crawford, J. (2020), A systematic review of online examinations: A pedagogical innovation for scalable authentication and integrity, *Computers & Education*, Vol. 159, pp. 104024. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.104024>
- [27] Xu, H., & Mahenthiran, S. (2016), Factors that influence online learning assessment and satisfaction: Using Moodle as a Learning Management System, *International Business Research*, Vol. 19, No. 2, pp. 1–18.
- [28] Sorensen, E. (2013), Implementation and student perceptions of e-assessment in a chemical engineering module. *European Journal of Engineering Education*, Vol. 38, No. 2, pp. 172–185. <https://doi.org/10.1080/03043797.2012.760533>

- [29] Dermo, J. (2009), E-assessment and the student learning experience: a survey of student perceptions of e-assessment, *British Journal of Educational Technology*, Vol. 40, No. 2, pp. 203–214. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8535.2008.00915.x>.
- [30] Alhazmi, A., Baloch, H., & Al-Hammadi, F. (2015, July), Framework for integrating outcome-based assessment in online assessment: Research in progress, *In 2015 Science and Information Conference (SAI)*, pp. 217–221. IEEE. <https://doi.org/10.1109/SAI.2015.7237147>
- [31] Vu, T. P. A. (2017, May), Classroom-based assessment in Vietnam: An investigation into teachers' beliefs and practices, *Presented at the Vietnam Language Assessment Symposium (VLAS), Ho Chi Minh City*.
- [32] Huynh-Cam, T. T., Agrawal, S., Chen, L. S., & Fan, T. L. (2021), Using moodle-based E-assessment in English listening and reading courses: a Vietnamese case study, *Journal of Institutional Research South East Asia*, Vol. 19, No. 2, pp. 66-92.
- [33] Tân, T. M., Dương, L. T., Linh, N. V., & Điện, T. T. (2014), Một hướng tiếp cận sử dụng mã nguồn mở moodle hỗ trợ giảng dạy và đánh giá tại Trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, Vol. 31, pp. 62-71. <https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/1396>
- [34] Nguyen, T. T. T. M., & Doan, V. N. (2019), Using open-source Moodle to assess learner outcomes at Dien Bien College of Education. In *Proceedings of the OER Conference 2019, Dien Bien College of Education*, pp. 333–354.
- [35] Cao, T. X. L. (2023), Benefits and challenges of using LMS in blended learning: Views from EFL teachers and students at a Vietnamese public university, *International Journal of TESOL & Education*, Vol. 3, No. 3, pp. 78–100. <https://doi.org/10.54855/ijte.23335>
- [36] Almuhanha, M. (2023). Improving E-Assessment Based on University Students' Experiences, *Turkish Online Journal of Educational Technology-TOJET*, Vol. 22, No. 1, pp. 130-143.
- [37] Afacan Adanır, G., İsmailova, R., Omuraliev, A., & Muhametjanova, G. (2020), Learners' perceptions of online exams: A comparative study in Turkey and Kyrgyzstan, *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, Vol. 21, No. 3, pp. 1-17.

## **A STUDY ON THE IMPLEMENTATION AND IMPROVEMENT OF LMS MOODLE-BASED FINAL EXAMS FOR STUDENTS AT FACULTY OF FOREIGN LANGUAGES, HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES – INFORMATION TECHNOLOGY**

**Chau Thuc Quyen, Bui Thi Thanh Truc, Tran My Uyen, Vo Thi Bich Phuong, Phan Ngọc Nghĩa**

**ABSTRACT**— In today's era of digital transformation, improving the assessment system plays an important role in the quality of teaching and learning in tertiary education. Among modern assessment systems, e-assessment based on LMS Moodle platform has emerged as a wide adaptation across various Vietnamese educational institutions and universities. This study aims to evaluate the effectiveness of applying LMS Moodle-based e-assessment in final exams at the Faculty of Foreign Languages, Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology (HUFLIT). The study focused on lecturers' satisfaction levels and their perceived advantages and challenges during the implementation process. The study was conducted with 94 lecturers at the Faculty of Foreign Languages. Quantitative and qualitative data were collected through a 29-item questionnaire using a Likert scale and in-depth interviews with 20 selected lecturers. The findings indicated that most lecturers expressed high level of satisfaction across four key aspects of LMS Moodle – based final exams including reliability, validity, practicality, and affection. Additionally, two main challenges were revealed from semi-structured interviews, encompassing academic dishonesty and technical barriers in the exam implementation process. Based on such findings, some practical solutions were proposed to optimize the use of LMS Moodle based final exams for enhancing its effectiveness in operating and administrating at HUFLIT.

**Keywords**— LMS Moodle, final exams, challenges, solutions.



**Châu Thục Quyên** là Thạc sĩ về Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, hiện đang giữ chức vụ Phó Trưởng Bộ môn Ngôn ngữ – Giao tiếp, Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT. Hồ Chí Minh. Các lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của Cô tập trung vào cách thức vận dụng các thủ thuật siêu nhận thức nhằm phát triển năng lực tự chủ học tập, tích hợp tư duy phân biện vào quá trình rèn luyện kỹ năng

ngôn ngữ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy ngoại ngữ.



**Trần My Uyên** là Thạc sĩ về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Hiện cô là Phó Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ HUFLIT. Lĩnh vực nghiên cứu, quan tâm: phương pháp giảng dạy và áp dụng công nghệ trong giảng dạy.



**Phan Ngọc Nghĩa** tốt nghiệp cử nhân ngành Công nghệ thông tin và đang là học viên cao học ngành Công nghệ thông tin tại HUFLIT. Hiện là chuyên viên Khoa Ngoại ngữ, phụ trách Bảo đảm chất lượng trong khoa. Lĩnh vực nghiên cứu, quan tâm: áp dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ và AI trong thời đại số 4.0.

**Bùi Thị Thanh Trúc** là Thạc sĩ về Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, hiện đang giữ chức vụ Trưởng Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT. Các lĩnh vực nghiên cứu Cô quan tâm: các phương thức nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngoại ngữ, nâng cao tính tự chủ học tập của sinh viên, xây dựng lộ trình định hướng cá nhân hóa người học, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy ngoại ngữ.



**Võ Thị Bích Phương** là Thạc sĩ về Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Hiện cô đang là Giảng viên Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của Cô tập trung vào tính tự chủ của người học, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và AI.